

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-6-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THNH, TỈNH TÂY NINH

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Lê Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: bà Đàm Nguyên Phụng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Huệ Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Châu THnh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phan Thị K, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 02, ấp THnh T, xã THnh L, huyện Châu TH, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: anh Lê Văn H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 02, ấp THnh T, xã THnh L, huyện Châu TH, tỉnh Tây Ninh.

Chị K có đơn yêu cầu vắng mặt, anh H vắng không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị K trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Lê Văn H chung sống từ năm 1997, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do anh H thường chơi đá gà, từ đó gây ra nhiều nợ nần khiến chị phải trả nợ thay. Ngoài ra, anh H có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Chị đã cố gắng níu kéo hạnh phúc gia đình mà tha thứ cho anh nhưng anh H không sửa đổi. Hiện tại chị và anh H đã ly thân được hơn 02 năm, anh H có liên lạc qua điện thoại và nói đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý đến Tòa án làm việc. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Hoài Th, sinh năm 1998. Con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết, chị xác định vợ chồng không có nợ chung.

Anh Lê Văn H không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phan Thị K đối với anh Lê Văn H. Về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung

xác định không có nên không đặt ra giải quyết. Chị K phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị K vụ án có quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Lê Văn H không đến tòa án. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H. Riêng chị K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị K.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: anh chị tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện C, tỉnh An Giang năm 2007 nên hôn nhân giữa chị K và anh H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị K cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do anh H không có trách nhiệm trong gia đình, có người khác bên ngoài. Vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh H nếu có phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử anh H không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến về việc chị K yêu cầu ly hôn. Do đó, xem như anh H không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân với chị K, theo quy định Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Hoài Th, sinh năm 1998. Do con chung đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung: chị K không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Chị xác định vợ chồng không nợ ai.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Phan Thị K đối với anh Lê Văn H.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Phan Thị K và anh Lê Văn H.

Về con chung: con chung đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: chị K không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, chị trình bày vợ chồng không nợ ai.

2. Về án phí: chị Phan Thị K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017114 ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Cơ quan thi Hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu THnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thúy Liễu